

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

- Dự án: Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu.
- Gói thầu: Gói thầu số 07/2026/TV: Khảo sát, lập thiết kế BVTC-DT .
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
- Nguồn vốn: Vốn ngân sách địa phương đối ứng ODA .
- Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định.
- Tiến độ thực hiện: 45 ngày.

Các thông tin cơ bản liên quan đến dự án và gói thầu:

Căn cứ Luật Xây dựng; Luật Giao thông đường bộ; Luật Đất đai; Luật Bảo vệ môi trường; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-SXD ngày 10/01/2026 của Sở Xây dựng về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, dự án: Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 187/QĐ-BQLDA ngày 26/3/2026 của Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT tỉnh Lai Châu về phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn lập thiết kế Bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình, dự án: Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-BQLDA ngày 09/4/2026 của Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT tỉnh Lai Châu Phê duyệt đề cương,

dự toán Gói thầu số 07/2026/TV: Khảo sát, lập thiết kế BVTC-DT dự án: Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu;

2. Địa điểm xây dựng: Trên địa bàn các xã: Mường Khoa, Tả Lèng; Bản Bo; Nậm Tăm; Tủa Sín Chải; Lê Lợi; Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

3. Quy mô đầu tư:

3.1 Tiểu dự án: Đường trục vùng chè Phúc Khoa - Mường Khoa:

Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường với tổng chiều dài khoảng L=13,21km (trong đó: Tuyến số 1 có chiều dài khoảng 3,87 km; tuyến số 2 có chiều dài khoảng 4,41 km, tuyến số 3 có chiều dài khoảng 4,93 km), cụ thể:

a. Tuyến đường số 01: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường GTNT B (TCVN 10380:2014) với tổng chiều dài khoảng 3,87km, các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Vận tốc thiết kế: $V = 20\text{km/h}$.

- Kích thước nền, mặt đường: Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 5,0\text{m} + W$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m} + W$; Bề rộng lề gia cố $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,75\text{m}$, gia cố như kết cấu mặt đường; Độ dốc ngang mặt đường: $I_{\text{mặt}} = I_{\text{lề gia cố}} = 2\%$; Bán kính cong nằm tối thiểu $R_{\text{min}} = 15\text{m}$; Độ dốc dọc tối đa $I_{\text{max}} = 13\%$ (cá biệt $I_{\text{cb}} = 15\%$).

- Kết cấu mặt đường:

+ Đối với những vị trí nền, mặt đường bị hư hỏng nặng (bị trôi lún, cao su) và gia cố lề đường: Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 20cm, trên lớp lót bê tông xi măng M100 dày 16cm (thay thế lớp bê tông bị hư hỏng), dưới lót nilon và xáo xối, lu lèn K95.

+ Đối với những vị trí mặt đường bị hư hỏng nhẹ (bị rạn nứt, bong bật cục bộ): Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 20cm, kết hợp với bù vênh bằng bê tông xi măng M250.

+ Đối với những vị trí mặt đường cũ còn tốt: Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 20cm.

- Công trình thoát nước:

+ Gia cố rãnh thoát nước dọc hình thang kích thước (0,8x0,4x0,4)m bằng BTXM M150 dày 12cm tại các vị trí xung yếu. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, rãnh hộp, tấm đan với kết cấu bằng BT, BTCT.

+ Đối với cống thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá học xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định để đảm bảo ổn định nền đường.

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

- Hạng mục khác: Hoàn trả lại đường ống dẫn nước sinh hoạt.

b. Tuyến đường số 02 và số 03: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường GTNT C (TCVN 10380:2014) với tổng chiều dài khoảng 9,34 km, với các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Vận tốc thiết kế: $V = 15\text{km/h}$.

- Kích thước nền, mặt đường: Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 4,0\text{m} + W$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 3,0\text{m} + W$; Bề rộng lề gia cố $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,5\text{m}$, gia cố như kết cấu mặt đường; Độ dốc ngang mặt đường: $I_{\text{mặt}} = I_{\text{lề gia cố}} = 3\%$; Bán kính cong nằm tối thiểu $R_{\text{min}} = 10\text{m}$; Độ dốc dọc tối đa $I_{\text{max}} = 15\%$ (cá biệt $I_{\text{cb}} = 18\%$); thiết kế các điểm tránh xe theo tiêu chuẩn.

- Kết cấu mặt đường: Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 18cm, dưới lót nilon và xáo xói, lu lèn K95.

- Rãnh thoát nước dọc: Gia cố rãnh thoát nước dọc hình thang kích thước (0,8x0,4x0,4)m bằng BTXM M150 dày 12cm tại các vị trí xung yếu. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, rãnh hộp, tấm đan với kết cấu bằng BT, BTCT.

- Công trình thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá học xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định để đảm bảo ổn định nền đường.

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

3.2. Tiểu dự án: Đường Nhà Còi - Hô Cha.

Cải tạo, nâng cấp tuyến đường theo tiêu chuẩn đường GTNT cấp C (TCVN 10380:2014) với tổng chiều dài khoảng 9,9km, các thông số kỹ thuật chính như sau:

- Vận tốc thiết kế: $V = 15\text{km/h}$.

- Kích thước nền, mặt đường: Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 4,0\text{m} + W$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 3,0\text{m} + W$; Bề rộng lề gia cố $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,5\text{m}$, gia cố như kết cấu mặt đường; Độ dốc ngang mặt đường: $I_{\text{mặt}} = I_{\text{lề gia cố}} = 3\%$; Bán kính cong nằm tối thiểu $R_{\text{min}} = 10\text{m}$; Độ dốc dọc tối đa $I_{\text{max}} = 15\%$ (cá biệt $I_{\text{cb}} = 18\%$); thiết kế các điểm tránh xe theo tiêu chuẩn.

- Kết cấu mặt đường: Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 18cm, dưới lót nilon và xáo xói, lu lèn K95.

- Rãnh thoát nước dọc: Gia cố rãnh thoát nước dọc hình thang kích thước (0,8x0,4x0,4)m bằng BTXM M150 dày 12cm tại các vị trí xung yếu. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, rãnh hộp, tấm đan với kết cấu bằng BT, BTCT.

- Công trình thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá học xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định để đảm bảo ổn định nền đường.

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

3.3. Tiểu dự án: Đường Tả Lèng - Vùng Chè Cỏ.

Mở mới, nâng cấp tuyến đường theo tiêu chuẩn đường GTNT C (TCVN 10380:2014) với tổng chiều dài khoảng $L=5,6$ km, cuối tuyến bố trí bãi đỗ xe diện tích khoảng 4.000m² phục vụ phát triển du lịch, các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Vận tốc thiết kế: $V = 15\text{km/h}$.

- Kích thước nền, mặt đường: Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 4,0\text{m} + W$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 3,0\text{m} + W$; Bề rộng lề gia cố $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,5\text{m}$, gia cố như kết cấu mặt đường; Độ dốc ngang mặt đường: $I_{\text{mặt}} = I_{\text{lề gia cố}} = 3\%$; Bán kính cong nằm tối thiểu $R_{\text{min}} = 10\text{m}$; Độ dốc dọc tối đa $I_{\text{max}} = 15\%$ (cá biệt $I_{\text{cb}} = 18\%$); thiết kế các điểm tránh xe theo tiêu chuẩn.

- Kết cấu mặt đường:

+ Đối với đoạn mặt đường mới: Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 18cm, dưới lót nilon và xáo xới, lu lèn K95.

+ Đối với những vị trí nền, mặt đường bị hư hỏng nặng (bị trôi lún, cao su) và gia cố lề đường: Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 18cm, trên lớp lót bê tông xi măng M100 dày 14cm (thay thế lớp bê tông bị hư hỏng), dưới lót nilon và xáo xới, lu lèn K95.

+ Đối với những vị trí mặt đường bị hư hỏng nhẹ (bị rạn nứt, bong bật cục bộ): Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 18cm, kết hợp với bù vênh bằng bê tông xi măng M250.

+ Đối với những vị trí mặt đường cũ còn tốt: Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 18cm.

- Rãnh thoát nước dọc: Gia cố rãnh thoát nước dọc hình thang kích thước $(0,8 \times 0,4 \times 0,4)\text{m}$ bằng BTXM M150 dày 12cm tại các vị trí xung yếu. Tại các vị trí thoát nước dọc kết hợp mương thủy lợi thiết kế rãnh hộp bằng BTCT có nắp đậy. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, rãnh hộp, tấm đan với kết cấu bằng BT, BTCT.

- Công trình thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá hộc xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định.

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT

3.4. Tiểu dự án: Đường Hồ Thủ kết nối đường đi bộ lên Pu Ta Leng

Cải tạo, nâng cấp tuyến đường theo tiêu chuẩn đường GTNT B (TCVN 10380:2014) với tổng chiều dài tuyến khoảng $L = 2,2\text{km}$, các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Vận tốc thiết kế: $V = 20\text{km/h}$.

- Kích thước nền, mặt đường: Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 5,0\text{m} + W$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m} + W$; Bề rộng lề gia cố $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,75\text{m}$, gia cố như kết cấu mặt đường; Độ dốc ngang mặt đường: $I_{\text{mặt}} = I_{\text{lề gia cố}} = 3\%$; Bán kính cong nằm tối thiểu $R_{\text{min}} = 15\text{m}$; Độ dốc dọc tối đa $I_{\text{max}} = 13\%$ (cá biệt $I_{\text{cb}} = 15\%$).

- Kết cấu mặt đường:

+ Tại các vị trí mặt đường cũ bị hư hỏng nặng và lề gia cố: Tiến hành đào bỏ kết cấu cũ bị hư hỏng, xáo xới lu lèn K95 nền đường, rải lớp móng đá dăm tiêu chuẩn lớp dưới dày 15cm, lớp đá dăm tiêu chuẩn lớp trên dày 12cm và láng nhựa 3 lớp tiêu

chuẩn nhựa 4,5kg/m² dày 3,5cm.

+ Tại các vị trí mặt đường bị bong bật, hư hỏng nhẹ: Tiến hành cày xới lu lèn mặt đường cũ, rải đá dăm tiêu chuẩn lớp trên dày 12cm và láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m² dày 3,5cm.

+ Tại các vị trí mặt đường bị lún võng sâu: Tiến hành cày xới lu lèn mặt đường cũ kết hợp bù vênh bằng đá dăm tiêu chuẩn, rải lớp đá dăm tiêu chuẩn lớp dưới dày 15cm, lớp đá dăm tiêu chuẩn lớp trên dày 12cm và láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m² dày 3,5cm.

- Rãnh thoát nước dọc: Gia cố rãnh thoát nước dọc hình thang kích thước (0,8x0,4x0,4)m bằng BTXM M150 dày 12cm tại các vị trí xung yếu. Tại các vị trí thoát nước dọc kết hợp mương thủy lợi thiết kế rãnh hộp bằng BTCT có nắp đậy. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, rãnh hộp, tấm đan với kết cấu bằng BT, BTCT.

- Công trình thoát nước ngang:

+ Đối với công mới: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá hộc xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

+ Đối với công cũ: Tận dụng các công cũ còn tốt, chỉ phá dỡ các công yếu, hỏng; những vị trí công chưa đủ bề rộng nền đường thì nối dài thượng hoặc hạ lưu công, kết cấu bằng BT, BTCT và đá hộc xây.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định.

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

3.5. Tiểu dự án: Đường trục vùng chè Nậm Phát - Nà Can.

Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường với tổng chiều dài khoảng L=17,3km (trong đó: Tuyến số 1 có chiều dài khoảng 7,3 km; tuyến số 2 có chiều dài khoảng 3,4 km, tuyến số 3 có chiều dài khoảng 6,6 km), cụ thể:

a. Tuyến 1 thiết kế theo tiêu chuẩn đường GTNT C (TCVN 10380:2014) với tổng chiều dài khoảng 7,3 km, các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Vận tốc thiết kế: $V = 15\text{km/h}$.

- Kích thước nền, mặt đường: Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 4,0\text{m} + W$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 3,0\text{m} + W$; Bề rộng lề gia cố $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,5\text{m}$, gia cố như kết cấu mặt đường; Độ dốc ngang mặt đường: $I_{\text{mặt}} = I_{\text{lề gia cố}} = 3\%$; Bán kính cong nằm tối thiểu $R_{\text{min}} = 10\text{m}$; Độ dốc dọc tối đa $I_{\text{max}} = 15\%$ (cá biệt $I_{\text{cb}} = 18\%$); thiết kế các điểm tránh xe theo tiêu chuẩn.

- Kết cấu mặt đường: Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 18cm, dưới lót nilon và xáo xới, lu lèn K95.

- Rãnh thoát nước dọc: Gia cố rãnh thoát nước dọc hình thang kích thước (0,8x0,4x0,4)m bằng BTXM M150 dày 12cm tại các vị trí xung yếu. Các vị trí nút

giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, rãnh hộp, tấm đan với kết cấu bằng BT, BTCT.

- Công trình thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá học xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định.

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

b. Tuyến 2 thiết kế theo tiêu chuẩn đường GTNT B (TCVN 10380:2014) với tổng chiều dài khoảng 3,4 km, các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Vận tốc thiết kế: $V = 20\text{km/h}$.

- Kích thước nền, mặt đường: Bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 5,0\text{m} + W$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m} + W$; Bề rộng lề gia cố $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,75\text{m}$, gia cố như kết cấu mặt đường; Độ dốc ngang mặt đường: $I_{\text{mặt}} = I_{\text{lề gia cố}} = 2\%$; Bán kính cong nằm tối thiểu $R_{\text{min}} = 15\text{m}$; Độ dốc dọc tối đa $I_{\text{max}} = 13\%$ (cá biệt $I_{\text{cb}} = 15\%$).

- Kết cấu mặt đường:

- + Đối với những vị trí nền, mặt đường bị hư hỏng nặng (bị trôi lún, cao su) và gia cố lề đường: Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 20cm, trên lớp lót bê tông xi măng M100 dày 16cm (thay thế lớp bê tông bị hư hỏng), dưới lớp nilon và xáo xới, lu lèn K95.

- + Đối với những vị trí mặt đường bị hư hỏng nhẹ (bị rạn nứt, bong bật cục bộ): Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 20cm, kết hợp với bù vênh bằng bê tông xi măng M250.

- + Đối với những vị trí mặt đường cũ còn tốt: Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 20cm.

- Rãnh thoát nước dọc: Gia cố rãnh thoát nước dọc hình thang kích thước (0,8x0,4x0,4)m bằng BTXM M150 dày 12cm tại các vị trí xung yếu. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, rãnh hộp, tấm đan với kết cấu bằng BT, BTCT.

- Công trình thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá học xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định.

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

- Hạng mục khác: Hoàn trả lại đường ống dẫn nước sinh hoạt.

c. Tuyến 3 thiết kế theo tiêu chuẩn đường GTNT B (TCVN 10380:2014) với tổng chiều dài khoảng 6,6 km, các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Vận tốc thiết kế: $V = 20\text{km/h}$.

- Kích thước nền, mặt đường: Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 5,0\text{m} + W$; Bề rộng

mặt đường $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m} + W$; Bề rộng lề gia cố $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,75\text{m}$, gia cố như kết cấu mặt đường; Độ dốc ngang mặt đường: $I_{\text{mặt}} = I_{\text{lề gia cố}} = 3\%$; Bán kính cong nằm tối thiểu $R_{\text{min}} = 15\text{m}$; Độ dốc dọc tối đa $I_{\text{max}} = 13\%$ (cá biệt $I_{\text{cb}} = 15\%$).

- Kết cấu mặt đường:

+ Tại các vị trí mặt đường cũ bị hư hỏng nặng và lề gia cố: Tiến hành đào bỏ kết cấu cũ bị hư hỏng, xáo xới lu lèn K95 nền đường, rải lớp móng đá dăm tiêu chuẩn lớp dưới dày 15cm, lớp đá dăm tiêu chuẩn lớp trên dày 12cm và láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn nhựa $4,5\text{kg}/\text{m}^2$ dày 3,5cm.

+ Tại các vị trí mặt đường bị bong bật, hư hỏng nhẹ: Tiến hành cày xới lu lèn mặt đường cũ, rải đá dăm tiêu chuẩn lớp trên dày 12cm và láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn nhựa $4,5\text{kg}/\text{m}^2$ dày 3,5cm.

- Rãnh thoát nước dọc: Gia cố rãnh thoát nước dọc hình thang kích thước $(0,8 \times 0,4 \times 0,4)\text{m}$ bằng BTXM M150 dày 12cm tại các vị trí xung yếu. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, rãnh hộp, tấm đan với kết cấu bằng BT, BTCT.

- Công trình thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá học xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định.

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

- Hạng mục khác: Hoàn trả lại đường ống dẫn nước sinh hoạt

3.6. Tiểu dự án: Đường trục vùng chèo Hương Phong - Hợp Nhất - Nhà Khuy.

Cải tạo, nâng cấp tuyến đường theo tiêu chuẩn đường GTNT C (theo TCVN 10380:2014) với tổng chiều dài khoảng $L=2,7\text{ km}$, các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Vận tốc thiết kế: $V = 15\text{km}/\text{h}$.

- Kích thước nền, mặt đường: Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 4,0\text{m} + W$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 3\text{m} + W$; Bề rộng lề gia cố $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,5\text{m}$, gia cố như kết cấu mặt đường; Độ dốc ngang mặt đường: $I_{\text{mặt}} = I_{\text{lề gia cố}} = 2\%$; Bán kính cong nằm tối thiểu $R_{\text{min}} = 10\text{m}$; Độ dốc dọc tối đa $I_{\text{max}} = 15\%$ (cá biệt $I_{\text{cb}} = 18\%$); thiết kế các điểm tránh xe theo tiêu chuẩn.

- Kết cấu mặt đường: Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 18cm, dưới lót nilon và xáo xới, lu lèn K95.

- Rãnh thoát nước dọc: Gia cố rãnh thoát nước dọc hình thang kích thước $(0,8 \times 0,4 \times 0,4)\text{m}$ bằng BTXM M150 dày 12cm tại các vị trí xung yếu. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, rãnh hộp, tấm đan với kết cấu bằng BT, BTCT.

- Công trình thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá học xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định.

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

3.7. Tiểu dự án: Đường Nậm Tăm - Nậm Khăm.

Cải tạo, nâng cấp tuyến đường theo tiêu chuẩn đường GTNT B (*TCVN 10380:2014*) với chiều dài khoảng $L=12,0$ km, các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Vận tốc thiết kế: $V = 20$ km/h.

- Kích thước nền, mặt đường: Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 5,0\text{m} + W$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m} + W$; Bề rộng lề gia cố $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,75\text{m}$, gia cố như kết cấu mặt đường; Độ dốc ngang mặt đường: $I_{\text{mặt}} = I_{\text{lề gia cố}} = 3\%$; Bán kính cong nằm tối thiểu $R_{\text{min}} = 15\text{m}$; Độ dốc dọc tối đa $I_{\text{max}} = 13\%$ (cá biệt $I_{\text{cb}} = 15\%$).

- Kết cấu mặt đường: Xáo xới lu lèn K95, lớp đá dăm tiêu chuẩn lớp dưới dày 15cm, lớp đá dăm tiêu chuẩn lớp trên dày 12cm và láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m² dày 3,5cm.

- Rãnh thoát nước dọc: Gia cố rãnh thoát nước dọc hình thang kích thước (0,8x0,4x0,4)m bằng BTXM M150 dày 12cm tại các vị trí xung yếu. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, rãnh hộp, tấm đan với kết cấu bằng BT, BTCT.

- Công trình thoát nước ngang:

+ Đối với công mới: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá hộc xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

+ Đối với công cũ: Tận dụng các công cũ còn tốt, chỉ phá dỡ các công yếu, hỏng; những vị trí công chưa đủ bề rộng nền đường thì nối dài thượng hoặc hạ lưu công, kết cấu bằng BT, BTCT và đá hộc xây.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định.

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

- Hạng mục khác: Hoàn trả lại đường ống dẫn nước sinh hoạt.

3.8. Tiểu dự án: Đường Pá Bon - Ma Sang.

Cải tạo, nâng cấp tuyến đường theo tiêu chuẩn đường GTNT B (*theo TCVN 10380:2014*) với tổng chiều dài tuyến khoảng $L=16,5$ Km, các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Vận tốc thiết kế: $V = 20$ km/h.

- Kích thước nền, mặt đường: Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 5,0\text{m} + W$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m} + W$; Bề rộng lề gia cố $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,75\text{m}$, gia cố như kết cấu mặt đường; Độ dốc ngang mặt đường: $I_{\text{mặt}} = I_{\text{lề gia cố}} = 2\%$; Bán kính cong nằm tối thiểu $R_{\text{min}} = 15\text{m}$; Độ dốc dọc tối đa $I_{\text{max}} = 13\%$ (cá biệt $I_{\text{cb}} = 15\%$).

- Kết cấu mặt đường: Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 20cm, dưới lót nilon và xáo xới, lu lèn K95.

- Rãnh thoát nước dọc: Gia cố rãnh thoát nước dọc hình thang kích thước (0,8x0,4x0,4)m bằng BTXM M150 dày 12cm tại các vị trí xung yếu. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, rãnh hộp, tấm đan với kết cấu bằng BT, BTCT.

- Công trình thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá học xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định.

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

3.9. Tiểu dự án: Đường Nậm Pì - Pè Ngài.

Cải tạo, nâng cấp tuyến đường theo tiêu chuẩn đường GTNT C (theo TCVN 10380:2014) với tổng chiều dài tuyến khoảng L=8,5 km, các yếu tố kỹ thuật chính:

- Vận tốc thiết kế: $V = 15\text{km/h}$.

- Kích thước nền, mặt đường: Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 4,0\text{m} + W$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 3\text{m} + W$; Bề rộng lề gia cố $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,5\text{m}$, gia cố như kết cấu mặt đường; Độ dốc ngang mặt đường: $I_{\text{mặt}} = I_{\text{lề gia cố}} = 2\%$; Bán kính cong nằm tối thiểu $R_{\text{min}} = 10\text{m}$; Độ dốc dọc tối đa $I_{\text{max}} = 15\%$ (cá biệt $I_{\text{cb}} = 18\%$); thiết kế các điểm tránh xe theo tiêu chuẩn.

- Kết cấu mặt đường: Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 18cm, dưới lót nilon và xáo xói, lu lèn K95.

- Rãnh thoát nước dọc: Gia cố rãnh thoát nước dọc hình thang kích thước (0,8x0,4x0,4)m bằng BTXM M150 dày 12cm tại các vị trí xung yếu. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, rãnh hộp, tấm đan với kết cấu bằng BT, BTCT.

- Công trình thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá học xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định.

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

3.10. Tiểu dự án: Cải tạo đường trục chính cánh đồng Mường Than

Mở mới, cải tạo, nâng cấp 5 tuyến đường với tổng chiều dài khoảng L= 7,44 km (Tuyến số 1 có chiều dài khoảng L=1,343 km; Tuyến số 2 có chiều dài khoảng L=1,725 km; Tuyến số 3 có chiều dài khoảng L=1,874 km; Tuyến số 4 có chiều dài khoảng L=1,669 km; Tuyến số 5 có chiều dài khoảng L=0,829km), cụ thể:

a. Tuyến 1 và tuyến 2 thiết kế theo tiêu chuẩn đường GTNT B (theo TCVN 10380:2014) với tổng chiều dài khoảng 3,068 km, các yếu tố kỹ thuật chính như sau:

- Vận tốc thiết kế: $V = 20\text{km/h}$.

- Kích thước nền, mặt đường: Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 5,0\text{m} + W$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m} + W$; Bề rộng lề gia cố $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,75\text{m}$, gia cố như kết cấu mặt

đường; Độ dốc ngang mặt đường: $I_{\text{mặt}} = I_{\text{lề gia có}} = 2\%$; Bán kính cong nằm tối thiểu $R_{\text{min}} = 15\text{m}$; Độ dốc dọc tối đa $I_{\text{max}} = 13\%$.

- Kết cấu mặt đường: Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 20cm, dưới lót nilon và xáo xới, lu lèn K95.

- Rãnh thoát nước dọc: Gia cố rãnh thoát nước dọc hình thang kích thước (0,8x0,4x0,4)m bằng BTXM M150 dày 12cm tại các vị trí xung yếu. Tại các vị trí thoát nước dọc kết hợp mương thủy lợi thiết kế rãnh hộp bằng BTCT có nắp đậy. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, rãnh hộp, tấm đan với kết cấu bằng BT, BTCT.

- Công trình thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá học xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Thiết kế ngầm tràn liên hợp: Thiết kế vĩnh cửu, bề rộng bằng khổ nền đường, tải trọng thiết kế H13-X60. Tần suất thiết kế $P=4\%$. Kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá học xây.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định.

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

b. Tuyến 3, 4, 5 thiết kế theo tiêu chuẩn đường GTNT C (theo TCVN 10380:2014) với tổng chiều dài khoảng 4,374 km, các yếu tố kỹ thuật chính như sau:

- Vận tốc thiết kế: $V = 15\text{km/h}$.

- Kích thước nền, mặt đường: Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 4,0\text{m} + W$; Bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 3\text{m} + W$; Bề rộng lề gia cố $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,5\text{m}$, gia cố như kết cấu mặt đường; Độ dốc ngang mặt đường: $I_{\text{mặt}} = I_{\text{lề gia cố}} = 2\%$; Bán kính cong nằm tối thiểu $R_{\text{min}} = 10\text{m}$; Độ dốc dọc tối đa $I_{\text{max}} = 15\%$ (cá biệt $I_{\text{cb}} = 18\%$); thiết kế các điểm tránh xe theo tiêu chuẩn.

- Kết cấu mặt đường: Thiết kế mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 18cm, dưới lót nilon và xáo xới, lu lèn K95.

- Rãnh thoát nước dọc: Gia cố rãnh thoát nước dọc hình thang kích thước (0,8x0,4x0,4)m bằng BTXM M150 dày 12cm tại các vị trí xung yếu. Tại các vị trí thoát nước dọc kết hợp mương thủy lợi thiết kế rãnh hộp bằng BTCT có nắp đậy. Các vị trí nút giao và qua khu dân cư thiết kế rãnh chịu lực, rãnh hộp, tấm đan với kết cấu bằng BT, BTCT.

- Công trình thoát nước ngang: Thiết kế theo định hình; kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá học xây; tải trọng thiết kế H13-X60.

- Thiết kế ngầm tràn liên hợp: Thiết kế vĩnh cửu, bề rộng bằng khổ nền đường, tải trọng thiết kế H13-X60. Tần suất thiết kế $P=4\%$. Kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá học xây.

- Công trình phòng hộ: Thiết kế kè bê tông, kè rọ đá, ốp mái gia cố theo quy định.

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT

3.11. Tiểu dự án: Nâng cấp, sửa chữa hệ thống thủy lợi Mường Than, xã Mường Than.

Đầu tư xây dựng khoảng 6,6Km kênh dẫn nước và khoảng 3,1Km ống dẫn nước. Gồm các hạng mục chính như sau:

- Công trình thủy lợi Nà Khảm:

+ Trần thu nước đầu kênh. Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép.

+ Tuyến kênh cấp 1: Dài khoảng 0,014Km, kích thước mặt cắt ngang thiết kế (BxH)=(0,9x0,9)m. Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép.

+ Tuyến kênh cấp 2: Dài khoảng 4,9Km bao gồm các kích thước mặt cắt ngang thiết kế như sau: (BxH)=(0,4x0,4)m; (BxH)=(0,4x0,5)m; (BxH)=(0,6x0,8)m; (BxH)=(0,8x1,0)m. Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép. Các công trình trên tuyến gồm bể tiêu năng; dốc nước, cửa thu nước, cống qua đường... Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép.

- Công trình thủy lợi Bản Làn:

+ Tuyến kênh: Có chiều dài khoảng 0,49Km, kích thước kênh (BxH)=(0,4x0,4)m. Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép. Các công trình trên tuyến gồm: Cầu máng...Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép.

+ Tuyến ống lấy nước từ công trình thủy lợi Nà Khảm: Làm mới tuyến ống dài khoảng 3,1Km. Kết cấu ống HDPE đường kính D225mm. Các công trình trên tuyến: Bể áp lực, trụ đỡ ống, mố đỡ ống, bể xả, hồ van... Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép.

- Công trình thủy lợi Nậm Than:

* Đập đầu mố số 1:

+ Tại vị trí đập đầu mố Nậm Phang cũ, chiều dài tràn khoảng 16,4m dạng Đập tràn thực dụng liên hợp cầu qua tràn. Kết cấu BT, BTCT.

+ Tuyến kè: Kè hai bên bờ suối phía thượng lưu đập đầu mố Nậm Phang, chiều dài khoảng 0,53Km. Hình thức kè tường đứng bê tông trọng lực. Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép. Các công trình trên tuyến gồm: Đường đỉnh kè, cống thoát nước, bậc lên xuống; gia cố đỉnh kè cũ, khóa đầu kè... Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép.

+ Tuyến kênh: Có chiều dài khoảng 0,7Km, kích thước (BxH)=(0,4x0,4)m. Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép. Các công trình trên tuyến gồm: Cống qua đường, bể tiêu năng, tường gia cố kênh... Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép.

* Tràn qua kênh số 2:

+ Đập đầu mố Nậm Phang 2 phục vụ tưới cho cánh đồng Phúc Than. Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép.

+ Tuyến kênh: Có chiều dài khoảng 0,55Km, kích thước (BxH)=(0,4x0,4)m. Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép. Các công trình trên tuyến gồm: Cửa thu nước, bể tiêu năng... Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép.

3.12. Tiểu dự án: Chỉnh trị dòng suối.

Đầu tư xây dựng kè chống sạt lở hai bên bờ suối Nậm Phang khu vực cánh đồng Mường Than với chiều dài tuyến kè khoảng 1,3Km. Các thông số chủ yếu như sau:

- Tuyến kè: Kết cấu kè đứng bằng bê tông trọng lực, chiều rộng đỉnh kè B = 0,5m; chiều cao tường kè H = 3,5m; chiều rộng bản đáy kè B = 3,5m, chiều cao bản đáy kè H = 1,0m.

- Công trình trên tuyến gồm: Đường trên đỉnh kè, cống thoát nước, bậc lên xuống, gia cố đỉnh tuyến kè cũ.

Mục đích tuyển chọn nhà thầu là để xác định được nhà thầu có đủ năng lực theo quy định và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để thực hiện tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình theo quy định của pháp luật xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

II. Phạm vi công việc:

1. Đối với công tác khảo sát:

1.1. Phạm vi khảo sát: Khảo sát phục vụ bước lập hồ sơ thiết kế BVTC-DT toàn bộ 12 tiểu dự án (10 dự án công trình giao thông; 02 dự án công trình NN&PTNT) bao gồm: Thu thập số liệu; Đo vẽ hiện trạng khu vực; Khảo sát địa hình, địa chất; Lấy các mẫu và thí nghiệm mẫu...).

1.2. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng:

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Ký hiệu
*	Tiêu chuẩn khảo sát công trình thủy lợi	
1	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCXDVN 9398:2012
2	Quy phạm đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/100; 1/200; 1/500; 1/1000; 1/2000; 1/5000; (phần ngoài trời)	96 TCN 43 - 90
3	Công trình đê điều - yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình;	TCVN 8481:2010
4	Công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu về lưới khống chế mặt bằng địa hình	TCVN 8224:2009
5	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
6	Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về đo đạc địa hình, xác định tim kênh và công trình trên kênh	TCVN 8223-2009
7	Công trình thủy lợi - các qui định chủ yếu về lưới khống chế cao độ địa hình	TCVN 8225:2009
8	Công trình thủy lợi - các qui định chủ yếu về khảo sát mặt cắt và bình đồ địa hình các tỷ lệ từ 1/200 đến	TCVN 8226:2009

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Ký hiệu
	1/5000	
9	Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế	TCVN 8477:2018
10	Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.	TCVN 8478 - 2018
11	Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật khoan máy trong công tác khảo sát địa chất	TCVN 9155:2012
12	Công trình thủy lợi - Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp thí nghiệm ép nước vào lỗ khoan	TCVN 9149 2012
13	Đất xây dựng công trình thủy lợi. phương pháp xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đồ nước trong hố đào & trong hố khoan tại hiện trường	TCVN 8731 2012
14	Phương pháp lấy, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683 2012
15	Công trình thủy lợi - Yêu cầu bảo quản mẫu nồn khoan trong công tác khảo sát địa chất công trình	TCVN 9140:2012
16	Và một số Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước	
*	Tiêu chuẩn khảo sát công trình giao thông	
1	Quy trình khảo sát đường ô tô (<i>Tham khảo</i>)	22 TCN263-2000
2	Quy trình khảo sát thiết kế đường ô tô đắp trên đất yếu (<i>Tham khảo</i>)	22 TCN 262-2000
3	Quy phạm đo vẽ địa hình (<i>Tham khảo</i>)	22TCN 43-90
4	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình- Yêu cầu chung	TCVN 9398: 2012
5	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401: 2012
6	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN11:2008/BTNMT
7	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	QCVN04:2009/BTNMT
8	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437: 2012
9	Tính toán đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845: 2013
10	Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế	TCVN 10380:2014
11	Áo đường mềm	22TCN 211:2006
12	Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Ký hiệu
13	Và một số Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước	

1.3. Nội dung công tác khảo sát

Sử dụng toàn bộ kết quả khảo sát bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và thực hiện bổ sung các nội dung sau:

1.3.1. Công tác điều tra cơ bản

- Khảo sát bổ sung, cập nhật các nguồn vật liệu cung cấp dự án; vị trí bãi đổ vật liệu không thích hợp để thống nhất với địa phương, đơn vị liên quan bằng biên bản; xác định cự ly, loại đường vận chuyển, trữ lượng,... thể hiện bằng bản vẽ sơ họa; làm việc và thỏa thuận với các ngành, chính quyền địa phương và các cơ quan đơn vị quản lý về những nội dung liên quan đến dự án.

- Điều tra, xác định giá, báo giá của các loại vật liệu khác tại địa phương để phục vụ lập dự toán xây dựng công trình.

1.3.2. Lưới khống chế mặt bằng và độ cao hạng IV (Tận dụng ở bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi).

1.3.3. Lưới đường chuyên cấp 2 (ĐC2) và lưới độ cao cấp kỹ thuật (Tận dụng ở bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi).

1.3.4. Khảo sát địa hình

a. Đo vẽ bình đồ các vị trí công trình cầu, ngầm, nút giao và các công có khẩu độ lớn.

- Mục đích của việc đo vẽ bình đồ là thu thập số liệu nhằm mô tả chi tiết địa hình, địa vật các vị trí công trình, nút giao phục vụ cho công tác thiết kế được chính xác, thuận lợi.

- Nội dung của bình đồ địa hình cần thể hiện các yếu tố sau: đường đồng mức và độ cao của tất cả các điểm đặc trưng (yếu tố địa hình); nhà cửa và các công trình xây dựng, giao thông, hệ thống thủy lợi, đường ống, đường dây cao thế, điện thoại, hồ ao, sông ngòi, ... và các hiện tượng địa chất quan sát được như các hiện tượng đứt gãy, sụt lở, catter,...

- Bình đồ công trình được vẽ chung với bình đồ khu vực với tỷ lệ bản vẽ là 1/500, với khoảng cao đều 1m.

b. Đo vẽ bình đồ các vị trí bãi đổ thải.

- Mục đích đo vẽ để tính toán trữ lượng bãi thải phục vụ cho việc đổ thải đất đá thừa trên tuyến sau khi đã cân đối đào đắp, với tỷ lệ bản vẽ là 1/1000, với khoảng cao đều 1m.

c. Đo khống chế cao. Thủy chuẩn kỹ thuật.

- Mục đích của việc đo vẽ là thu thập số liệu cao độ các cọc tim tuyến, cập nhật những thay đổi so với bước NCKT phục vụ cho công tác thiết kế BVTC-DT được chính xác, thuận lợi.

d. Đo vẽ mặt cắt ngang theo tỷ lệ 1/200 tại các số vị trí chèn chèn trên tuyến, vị trí thay đổi địa hình, vị trí bổ sung công trình hạng mục trên tuyến; phạm vi đo vẽ mỗi

bên trung bình 10 - 15m; sử dụng số liệu đã đo tại bước thiết kế cơ sở và đo bổ sung đảm bảo khoảng cách giữa các cọc.

e. Khảo sát địa chất: Trên cơ sở kết quả khảo sát địa chất đã thực hiện tại bước lập Báo cáo NCKT. Tiến hành khoan, thí nghiệm bổ sung các hố khoan đảm bảo theo tiêu chuẩn để chuẩn xác số liệu, cập nhật những thay đổi (nếu có), phục vụ cho công tác thiết kế BVTC-DT được chính xác, thuận lợi.

2. Nhiệm vụ lập thiết kế BVTC-DT

2.1. Lập thiết kế BVTC-DT:

Trên cơ sở các số liệu hồ sơ khảo sát, thiết kế cơ sở bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi đã được phê duyệt, kiểm tra, rà soát, triển khai thiết kế chi tiết, thể hiện đầy đủ các hạng mục công trình, thông số kỹ thuật, vật liệu sử dụng và chi tiết cấu tạo phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng, đảm bảo về các an toàn chịu lực, bền vững công trình, an toàn giao thông, mỹ quan công trình, phòng chống cháy nổ, kinh tế kỹ thuật và phù hợp với các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Trong quá trình lập thiết kế, tư vấn phải báo cáo giải trình các nội dung liên quan được Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đã nêu trong thông báo thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Trường hợp có thay đổi điều chỉnh thiết kế các hạng mục công trình, tư vấn phải nêu và giải trình các điều chỉnh này trong thuyết minh.

2.2. Lập dự toán công trình: Dự toán lập phải đảm bảo tính đúng, đủ khối lượng chính, khối lượng phụ trợ thi công từ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công; Đảm bảo tối ưu kinh phí, đúng, đủ theo chế độ chính sách pháp luật của nhà nước về quản lý chi phí xây dựng công trình.

3. Hồ sơ giao nộp:

- Hồ sơ khảo sát địa hình và điều tra khác: Thuyết minh khảo sát; Bình đồ địa hình; Mặt cắt dọc và các mặt cắt ngang toàn tuyến (bao gồm các bản vẽ theo tỷ lệ yêu cầu và các file máy tính); Tọa độ các cọc; Số khảo sát, đo đạc; Hồ sơ điều tra; Hồ sơ khác theo quy định.

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công giao nộp: Thuyết minh thiết kế BVTC; các bản vẽ thiết kế; bản tính; dự toán xây dựng; chỉ dẫn kỹ thuật; quy trình bảo trì công trình; văn bản pháp lý kèm theo; hồ sơ khác theo quy định.

- Số lượng hồ sơ: Theo quy định của hợp đồng.

4. Thời gian thực hiện: Ngay sau khi ký kết hợp đồng.

5. Báo cáo và thời gian thực hiện:

5.1. Báo cáo trước khi tiến hành thực hiện hợp đồng:

Tối đa là 03 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư:

- Báo cáo nhiệm vụ, phương hướng, tiến độ, giải pháp thực hiện các nhiệm vụ được giao.

5.2. Báo cáo trong quá trình thực hiện hợp đồng: Báo cáo thực hiện công việc tư vấn theo tuần. Nội dung báo cáo gồm:

- Báo cáo về tiến độ, khối lượng công việc đã thực hiện.

- Đánh giá về tiến độ, chất lượng công việc đã thực hiện.

- Đề xuất biện pháp khắc phục nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đảm bảo chất lượng công việc.

- Dự kiến tiến độ, khối lượng công việc sẽ thực hiện ở tuần tiếp theo.

6. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu đáp ứng yêu cầu về nhân sự trong tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT.

7. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

7.1. Trách nhiệm của Bên mời thầu trong thời gian tổ chức đấu thầu:

- Giải đáp bằng văn bản tất cả các thắc mắc của nhà thầu về E-HSMT.
- Mở thầu, đánh giá E-HSĐT của nhà thầu theo đúng các quy định của pháp luật.
- Yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSĐT.
- Báo cáo đánh giá E-HSĐT, kiến nghị nhà thầu trúng thầu.
- Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu.
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

7.2. Trách nhiệm của Bên mời thầu trong thời gian thực hiện hợp đồng:

- Cung cấp cho nhà thầu tất cả các văn bản cần thiết liên quan đến gói thầu (các văn bản được phép cung cấp cho nhà thầu).
- Cử cán bộ giám sát quá trình thực hiện hợp đồng của nhà thầu.
- Tổ chức nghiệm thu cho nhà thầu khi công việc hoàn thành và đạt yêu cầu.
- Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế BVTC-DT khi hồ sơ của nhà thầu đạt yêu cầu.
- Tạm ứng, thanh toán cho nhà thầu theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Quyết toán A-B với nhà thầu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.
- Thông báo cho nhà thầu và yêu cầu nhà thầu thực hiện các yêu cầu trong phạm vi quy định của pháp luật hiện hành của các cơ quan có thẩm quyền, như: Chủ đầu tư, cấp quyết định đầu tư, thanh tra, kiểm toán hoặc các cơ quan bảo vệ pháp luật khác.
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Khối lượng công tác khảo sát xây dựng:

Tiên lượng mời thầu được hiểu là toàn bộ khối lượng để thực hiện công tác khảo sát theo đúng quy trình quy phạm hiện hành. ở đây, để đơn giản hoá tính toán khi xét thầu, trong HSMT chỉ thể hiện các khối lượng khảo sát chính. Các khối lượng chi tiết khác gắn liền với từng công tác khảo sát chính (thị sát, thu thập số liệu, lán trại, lập báo cáo, chuyển quân, chuyển máy...) tuy không nêu trong bản tiên lượng nhưng Nhà thầu phải căn cứ vào Điều khoản tham chiếu, Quy trình về khảo sát thiết kế hiện hành và điều kiện năng lực của nhà thầu để tính toán đầy đủ chi phí này trong đơn giá dự thầu.

Tiên lượng chi tiết theo bảng tiên lượng mời thầu.